

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 03/12/2020

*V/v: “Tranh chấp về chia tài sản sau  
khi ly hôn, hủy hợp đồng tặng cho  
quyền sử dụng đất và hủy giấy  
chứng nhận quyền sử dụng đất”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Minh Tuấn**

*Các thẩm phán:* Ông **Nguyễn Thanh Long**

Ông **Nguyễn Văn Tào**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Hồng Phượng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** Ông **Trần Thanh Tuấn**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2020/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc: *“Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 238/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Thanh T; Địa chỉ: số 54, tổ 7, Đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Ông Trần Ánh D; Địa chỉ: số 54, tổ 7, Đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trần Đình L;

- Bà Hồ Thị Nhật C;

Cùng địa chỉ: số 54, tổ 7, Đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Điều Vắng mặt, đều có đơn xét xử vắng mặt.

- Công ty TNHH AD

Địa chỉ trụ sở: số 54, tổ 7, Đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Đình L – Giám đốc công ty.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Trần Thị Diệu L1; Địa chỉ: 75 đường Q, tổ 5, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Luật sư Nguyễn Đình T thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Đình T, Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ: 42 đường L2, phường L3, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Phòng công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa; Địa chỉ: 13 đường H, phường L3, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Phạm Anh T1; Địa chỉ: 26 đường H1, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2018, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T trình bày:*

Bà và ông Trần Ánh D kết hôn ngày 25/01/2000 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Ngày 17/7/2017, bà và ông D đã ly hôn (theo Bản án số 114/2017/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa). Khi ly hôn, Bà và ông D đều không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung nên Tòa án không xem xét. Nay Bà khởi kiện ông D, yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn gồm thửa đất số 112, tờ bản đồ số 62, diện tích 86,3m<sup>2</sup> tại tổ 7 Đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; một căn nhà cấp 4, 03 tầng, diện tích xây dựng 79,3m<sup>2</sup> gắn liền với đất và chiếc xe ô tô hiệu Honda City, biển kiểm soát 79A-129.21.

Nguồn gốc nhà đất nêu trên là của cha mẹ chồng Bà là ông Trần Đình L, bà Hồ Thị Nhật C (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02981/22327 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp ngày 20/5/2013). Ngày 06/12/2013, ông L và bà C tự nguyện lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tặng cho vợ chồng Bà toàn bộ nhà đất nêu trên. Trên cơ sở hợp đồng tặng cho, vợ chồng Bà đã làm thủ tục kê khai cấp sổ và đã được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03614/22327 ngày 31/12/2013.

Năm 2017, do nhà nước mở đường nên vợ chồng Bà có sửa chữa lại một phần căn nhà. Chi phí sửa chữa do vợ chồng Bà bỏ ra 70.000.000 đồng và tiền nhà nước hỗ trợ thêm là 16.000.000 đồng. Chi phí xây sửa không có tài liệu gì chứng minh và số tiền không đáng kể nên Bà không có yêu cầu thanh toán gì đối với phần chi phí này.

Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện, Bà có nguyện vọng nhận toàn bộ nhà đất và thanh toán cho ông Trần Ánh D  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản dựa trên kết quả định giá tài sản tranh chấp. Bà không yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe ô tô hiệu Honda City, biển kiểm soát 79A-129.21.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Trần Đình L, bà Hồ Thị Nhật C và Công ty TNHH AD về việc hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/12/2013 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03614/22327 ngày 31/12/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho vợ chồng Bà, Bà không đồng ý vì nhà đất nêu trên đã được ông L, bà C lập hợp đồng tặng cho vợ chồng Bà, trong hợp đồng cũng không ràng buộc bất cứ điều kiện gì đối với vợ chồng Bà. Hơn nữa, khi lập hợp đồng tặng cho, ông L và bà C cũng không hề nói gì cho vợ chồng Bà biết là nhà đất đó đã được đưa vào góp vốn Công ty TNHH AD. Nếu việc ông L dùng tài sản của công ty để tặng cho vợ chồng Bà là không đúng quy định pháp luật thì ông L phải tự chịu trách nhiệm với công ty, không liên quan đến vợ chồng Bà, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng Bà.

*Bị đơn ông Trần Ánh D trình bày:*

Ông thống nhất với bà T về thời gian kết hôn, ly hôn và nguồn gốc tài sản tranh chấp. Ông cũng đồng ý với bà T là khi cha mẹ Ông là ông Trần Đình L, bà Hồ Thị Nhật C tặng cho vợ chồng Ông nhà đất thì không ràng buộc bất kỳ điều kiện nào trong hợp đồng; chữ ký trong hợp đồng tặng cho đúng là chữ ký của cha mẹ và vợ chồng Ông. Tuy nhiên, cha mẹ Ông có căn dặn con cái phải hiếu thuận, chăm sóc cha mẹ, lo việc thờ phụng và phải giữ gìn nhà đất, không được chuyển nhượng, tặng cho lại nhà đất, nếu vợ chồng Ông vi phạm thì cha mẹ sẽ lấy lại nhà đất. Vợ chồng Ông đồng ý với lời căn dặn đó nên cha mẹ Ông mới làm hợp đồng tặng cho nhà đất. Việc căn dặn, cha mẹ Ông chỉ nói miệng chứ không lập văn bản gì.

Nay cha mẹ Ông và Công ty TNHH AD có yêu cầu độc lập đề nghị hủy hợp đồng tặng cho nhà đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đứng tên vợ chồng Ông thì Ông đồng ý. Đồng thời, Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của bà T vì nhà đất tranh chấp là của cha mẹ Ông. Tuy nhiên, nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu chia tài sản của bà T thì Ông có nguyện vọng nhận nhà đất và đồng ý thanh toán tiền cho bà T vì hiện nay, Ông, cha mẹ Ông và hai con đang sinh sống ổn định tại nhà đất tranh chấp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình L, bà Hồ Thị Nhật C thống nhất trình bày:*

Ông bà là cha mẹ của ông Trần Ánh D, bà Phan Thị Thanh T trước đây là con dâu của Ông Bà.

Nhà đất hiện nay đang tranh chấp là tài sản do Ông, Bà mua hóa giá theo Hợp đồng mua bán hóa giá nhà với Công ty QLKD nhà lập ngày 19/5/1994. Ngày 15/9/1994, Ông Bà được Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa cấp Sổ chứng nhận sở hữu nhà số 915/94/CNSHN. Lúc này, nhà đất tranh chấp có địa chỉ là số 10 đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, diện tích đất là 163,7m<sup>2</sup> và trên đất là một căn nhà cấp bốn. Cùng năm 1994, Ông Bà có sửa chữa lại phần bếp và xây thêm hai phòng. Chi phí xây sửa đều là tiền riêng của Ông Bà.

Ngày 15/7/2011, Ông Bà được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01578/22327. Ngày 18/7/2011, Ông Bà lập hợp đồng tặng cho vợ chồng con trai là ông Trần Bằng, bà Nguyễn Thị Kim Mỹ một phần diện tích đất là 77,4m<sup>2</sup>, phần đất này không có căn nhà cấp bốn mà vợ chồng Ông Bà đã xây dựng. Ngày 08/8/2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tại Nha Trang đã chỉnh lý biến động về phần đất tặng cho này trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông Bà.

Quá trình sinh sống, do nhà cửa chật hẹp, xuống cấp nên ngày 29/7/2011, Ông Bà đã phá bỏ toàn bộ căn nhà cũ và xây mới thành căn nhà 03 tầng. Toàn bộ chi phí xây dựng do Ông Bà bỏ ra và có một phần tiền là của Công ty TNHH AD nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu thì Ông Bà không nhớ và cũng không có tài liệu gì chứng minh. Ngày 20/5/2013, Ông Bà được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02981/22327 đối với phần đất còn lại là 86,3m<sup>2</sup> và căn nhà 03 tầng trên đất.

Ngày 06/12/2013, Ông Bà vì tuổi già sức yếu, tin tưởng con cháu, thiếu minh mẫn, sáng suốt nên đã làm hợp đồng tặng cho vợ chồng con trai là Trần Ánh D, Phan Thị Thanh T toàn bộ nhà đất. Ông Bà tặng cho vợ chồng ông D, bà T nhà đất với điều kiện ông D, bà T phải có trách nhiệm phụng dưỡng Ông Bà đến cuối đời và căn nhà chỉ dùng để thờ cúng Ông Bà tổ tiên về sau chứ không được mua bán, chia chác cho bất cứ ai; nếu không thực hiện được thì ông D, bà T phải trả lại nhà đất cho Ông Bà. Điều kiện này Ông Bà chỉ nói miệng với ông D, bà T chứ không có văn bản gì. Ngày 31/12/2013, vợ chồng ông D, bà T được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03614/22327.

Năm 2017, nhà nước mở đường phía trước nhà nên gia đình phải sửa chữa lại nhà, cụ thể: dời tường rào, cổng vào bên trong; xây lại trụ tường cổng; hạ thấp sân xuống, lát gạch mới lại; làm thêm ban công tầng hai. Hiện trạng những phần còn lại giữ nguyên hoàn toàn. Ông Bà cho rằng chi phí sửa chữa do Ông Bà bỏ ra 10.000.000 đồng và vợ chồng ông D, bà T bỏ ra khoảng 20.000.000 đồng nhưng Ông Bà không có giấy tờ gì chứng minh về những chi phí đã bỏ ra. Hiện trạng nhà đất sau khi xây sửa đến nay không có gì thay đổi.

Sau khi được tặng cho nhà đất, vợ chồng ông D, bà T thường xuyên gây gổ, đánh nhau, coi thường và ngược đãi Ông Bà. Ông Bà nay tuổi cao, sức yếu, cần có nhà để ở và thờ cúng ông bà tổ tiên nhưng bà T lại muốn bán nhà. Như vậy, ông D, bà T đã không thực hiện đúng cam kết với Ông Bà. Hơn nữa, trước đây, nhà đất nêu trên đã được Ông Bà đưa vào góp vốn làm tài sản của Công ty TNHH AD nên Ông Bà nhận thấy việc dùng tài sản công ty để tặng cho vợ chồng con trai là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty TNHH AD. Vì vậy, Ông Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn của bà T. Đồng thời, Ông Bà có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án tuyên hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/12/2013 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03614/22327 ngày 31/12/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho vợ chồng ông D, bà T. Về những chi phí xây sửa nhà, Ông Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH AD trình bày:*

Ông Trần Đình L là Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH AD. Nhà đất hiện đang tranh chấp tại tổ 7 Đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa do ông Trần Đình L và bà Hồ Thị Nhật C tạo lập theo Sổ chứng nhận sở hữu nhà số 915/94/CNSHN ngày 15/9/1994 do Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa cấp. Ông L đã đưa toàn bộ nhà đất này vào làm vốn góp ban đầu để thành lập Công ty TNHH AD theo văn bản “Cam kết v/v sử dụng tài sản làm vốn đầu tư ban đầu để thành lập doanh nghiệp” ngày 25/01/1997. Việc ông L đưa nhà đất vào làm vốn góp công ty có sự đồng ý của bà C. Do không hiểu biết pháp luật nên năm 2011 và năm 2013, ông L và bà C đã tự tách thửa và làm hợp đồng tặng cho các con nhà đất. Nay ông L nhận thấy việc ông dùng tài sản đã góp vốn vào công ty để tặng cho các con là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của Công ty nên với tư cách đại diện pháp luật của Công ty TNHH AD, ông L yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/12/2013 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03614/22327 ngày 31/12/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho vợ chồng ông Trần Ánh D, bà Phan Thị Thanh T.

Ngày 29/7/2011, ông L, bà C phá bỏ toàn bộ căn nhà cũ và xây mới thành căn nhà 03 tầng như hiện nay. Chi phí xây dựng do ông L, bà C bỏ ra và có một phần tiền là của Công ty TNHH AD nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu thì ông L, bà C không nhớ và Công ty cũng không có tài liệu gì chứng minh về số tiền đã bỏ ra. Vì vậy, Công ty TNHH AD không có yêu cầu thanh toán gì đối với những chi phí này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa trình bày:*

Ngày 11/9/2018, Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa đã cung cấp cho Tòa án toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc công chứng Hợp đồng tặng cho ngày 06/12/2013 giữa ông Trần Đình L, bà Hồ Thị Nhật C với ông Trần Ánh D, bà Phan Thị Thanh T.

Công chứng viên ký chứng nhận hợp đồng trên là ông Phạm Anh Tuấn, hiện không còn công tác tại Phòng Công chứng số 01. Ông Phạm Anh Tuấn đã mở Văn phòng Công chứng Hoàng Huệ – Phạm Tuấn tại 26 Hai Bà Trưng, phường Xương Huân, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Việc chứng nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên của công chứng viên Phòng Công chứng số 1 vào thời điểm đó theo trình tự quy định của pháp luật. Vì vậy, đối với yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, đề nghị quý Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa xin được vắng mặt tại các phiên công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Anh T1 trình bày:*

Năm 2013, Ông là Công chứng viên của Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa và là người đã trực tiếp thực hiện công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/12/2013 giữa bên tặng cho ông Trần Đình L, bà Hồ Thị Nhật C với bên nhận tặng cho là ông Trần Ánh D, bà Phan Thị Thanh T. Hồ sơ công chứng khi đó gồm:

- Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, văn bản ngày 06/12/2013 của ông Trần Đình L.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02981/22327 ngày 20/5/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho ông Trần Đình L, bà Hồ Thị Nhật C.

- Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông Trần Đình L, bà Hồ Thị Nhật C.

- Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông Trần Ánh D, bà Phan Thị Thanh T.

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/12/2013 giữa bên tặng cho ông Trần Đình L, bà Hồ Thị Nhật C với bên nhận tặng cho ông Trần Ánh D, bà Phan Thị Thanh T.

Tại thời điểm công chứng, các bên đều có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định pháp luật và đều tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng. Nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không trái với quy định pháp luật, đạo đức xã hội. Với trách nhiệm công chứng viên, Ông đã giải thích đầy đủ quyền, nghĩa vụ, hậu quả pháp lý cho các bên trước khi ký vào hợp đồng. Các bên đã nghe rõ, đồng thời tự đọc lại nội dung hợp đồng và đồng ý, ký tên vào hợp đồng trước sự chứng kiến của ông.

Với những lý do trên, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/12/2013 giữa bên tặng cho ông Trần Đình L, bà Hồ Thị Nhật C với bên nhận tặng cho ông Trần Ánh D, bà Phan Thị Thanh T có hiệu lực theo quy định hiện hành của pháp luật. Vì vậy, Ông không đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình L, bà Hồ Thị Nhật C và Công ty TNHH AD về việc yêu cầu tuyên hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên tặng cho ông Trần Đình L, bà Hồ Thị Nhật C với bên nhận tặng cho ông Trần Ánh D, bà Phan Thị Thanh T ngày 06/12/2013 vì không có căn cứ.

Đối với những nội dung khác liên quan đến vụ án, Ông không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Hiện nay, Ông không còn là Công chứng viên của Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa nữa, vì thường xuyên bận công việc, không thể đến Tòa án làm việc được nên Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố N trình bày:*

Nguyên nhà đất tại tổ 7 Đường B, phường V, thành phố N (thuộc thửa 112, tờ bản đồ số 62) của ông Trần Đình L và bà Hồ Thị Nhật C đã được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH2981/22327 ngày 20/5/2013.

Ngày 06/12/2013, ông Trần Đình L và bà Hồ Thị Nhật C tặng cho nhà đất trên cho ông Trần Ánh D và bà Phan Thị Thanh T theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa chứng thực hợp đồng số 8017/TC quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/12/2013 và đã được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp đổi Giấy chứng nhận số CH03614/22327 ngày 31/12/2013 đứng tên ông Trần Ánh D và bà Phan Thị Thanh T đối với nhà đất trên.

Như vậy, căn cứ các tài liệu, giấy tờ tại hồ sơ kê khai đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận tại nhà đất nêu trên của ông Trần Ánh D và bà Phan Thị Thanh T, Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận số CH03614/22327 ngày 31/12/2013 cho ông Trần Ánh D và bà Phan Thị Thanh T là đúng trình tự, thủ tục quy định.

*Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2019/HNGĐ-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:*

Áp dụng Điều 28, Điều 34, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 217, Điều 219, Điều 689, Điều 692, Điều 722 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn của nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T đối với chiếc xe ô tô hiệu Honda City, biển kiểm soát 79A-129.21.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn” với ông Trần Ánh D.

2.1. Xác định nhà đất tại tổ 7 Đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH03614/22327 ngày 31/12/2013 đứng tên ông Trần Ánh D và bà Phan Thị Thanh T là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Phan Thị Thanh T và ông Trần Ánh D.

2.2. Phân chia cho ông Trần Ánh D quyền sử dụng thửa đất số 112, tờ bản đồ số 62, có diện tích 86,3m<sup>2</sup> và quyền sở hữu căn nhà cấp 4, 03 tầng, diện tích xây dựng 79,3m<sup>2</sup>, diện tích sàn 259,2m<sup>2</sup>, tại tổ 7 Đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có giá trị là 4.073.127.800 đồng (Sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2.3. Buộc ông Trần Ánh D phải có nghĩa vụ thanh toán  $\frac{1}{2}$  (một phần hai) giá trị nhà, đất cho bà Phan Thị Thanh T là 2.036.563.900 đồng (*Hai tỷ không trăm ba mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn chín trăm đồng*).

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Đình L và bà Hồ Thị Nhật C; của Công ty TNHH AD về yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa chứng thực hợp đồng số 8017/TC quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/12/2013 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03614/22327 ngày 31/12/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho ông Trần Ánh D và bà Phan Thị Thanh T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/11/2019 bị đơn ông Trần Ánh D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình L, bà Hồ Thị Nhật C, Công ty TNHH AD kháng cáo có cùng nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

**\* Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà Trần Thị Diệu L1 đại diện Công ty TNHH AD trình bày: Nhà và đất đã được ông L bà C đưa vào Công ty AD để góp vốn thành lập công ty từ năm 1997, tại các báo cáo kế toán hàng năm điều thể hiện nhà đất này là vốn của Công ty AD; việc ông L bà C tự ý tặng cho ông D bà T năm 2013 Công ty không biết, ông L đã không báo không họp Công ty về việc này đã ảnh hưởng đến tài sản của công ty; Tòa án sơ thẩm đã lấy tài sản của Công ty là nhà đất để chia tài sản chung vợ chồng là không đúng; do



đó đề nghị tuyên hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Phòng công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa công chứng số 8017/TC ngày 6/12/2013 giữa ông L bà C và ông D bà T, hủy giấy chứng nhận nhà đất đã cấp cho vợ chồng ông D và bà T; đề nghị trả lại nhà, đất số 54 tổ 7 Đường B, Vĩnh Hào, Nha Trang cho Công ty AD và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh T về chia tài sản sau ly hôn của anh Trần Ánh D và bà Phan Thị Thanh T.

- Nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T tại đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị Tòa phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn ông Trần Ánh D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình L tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Kiểm sát viên đại diện cho Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

- + Về việc chấp hành pháp luật: Tòa án phúc thẩm đã chấp hành đầy đủ và đúng các quy định pháp luật từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa.

- + Về nội dung Tòa án sơ thẩm xét xử là đúng đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH AD, ông Trần Đình L và bị đơn ông Trần Ánh D giữ nguyên án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật.

[1] Kháng cáo của ông Trần Đình L, Công ty TNHH AD, ông Trần Ánh D hợp lệ đúng tố tụng được cấp phúc thẩm xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Đình L, Công ty TNHH AD và ông Trần Ánh D, thấy:

[2.1] Ngày 25/1/1997 ông Trần Đình L và bà Hồ Thị Nhật C có bản Cam kết đưa nhà số 10 Đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Sổ chứng nhận sở hữu nhà số 915/94/CNSHN ngày 15/9/1994 đứng tên sở hữu của ông L và bà C) trị giá 120.000.000 đồng góp vốn thành lập Công ty TNHH AD được Phòng Công chứng nhà nước số 1 tỉnh Khánh Hòa chứng nhận số 08 CN/TS ngày 30/1/1997, tại các Báo cáo quyết toán hàng năm từ năm 1997 đến năm 2018 của Công ty ở mục tài sản cố định điều có phần vốn này, từ khi góp vốn vào công ty năm 1997 đến nay công ty cũng chưa hoàn trả lại nguồn vốn này cho ông L bà C; do đó nhà (cấp 4) và đất có giá trị 120.000.000 đồng là tài sản của Công ty TNHH AD theo quy định tại Điều 25 Luật công ty 1990 (tại thời điểm ông L bà

C đưa nhà đất góp vốn thành lập công ty pháp luật không bắt buộc phải chuyển quyền sở hữu từ ông L bà C sang đứng tên công ty). Vì vậy, tài sản tranh chấp nhà và đất đứng tên sở hữu ông Trần Ánh D và chị Phan Thị Thanh T có nguồn gốc là của Công ty TNHH AD và là nguồn vốn của công ty không còn là tài sản của ông L bà C.

[2.2] Ngày 29/7/2011, do nhà xuống cấp nên ông L bà C đã phá bỏ toàn bộ nhà cũ và xây dựng mới thành căn nhà 3 tầng toàn bộ chi phí xây dựng do Ông, Bà bỏ ra và có một phần nhỏ tiền của Công ty TNHH AD nhưng Công ty không yêu cầu về số tiền bỏ xây dựng nhà này. Ngày 20/5/2013 nhà và đất trên ông Trần Đình L và bà Hồ Thị Nhật C được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH2981/22327 ngày 20/5/2013. Do đó toàn bộ giá trị nhà 3 tầng là của ông L và bà C bỏ ra xây dựng lại chưa được đưa vào Công ty nên là tài sản hợp pháp của ông L bà C.

[2.3] Ngày 06/12/2013, ông Trần Đình L và bà Hồ Thị Nhật C tặng cho nhà đất này cho ông Trần Ánh D và bà Phan Thị Thanh T theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa chứng thực hợp đồng số 8017/TC quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/12/2013 và đã được Ủy ban nhân dân thành phố N cấp đổi Giấy chứng nhận số CH03614/22327 ngày 31/12/2013 đứng tên ông Trần Ánh D và bà Phan Thị Thanh T. Theo Điều lệ Công ty TNHH AD quy định tại Điều 11 việc tăng giảm vốn điều lệ phải theo quyết định của Hội đồng thành viên, và tại Điều 9 “Thành viên công ty có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác theo quy định sau:.....2. Chỉ được chuyển cho người không phải là thành viên nếu các thành viên còn lại của công ty không mua hoặc không mua hết”. Khi tặng cho nhà đất trên ông Trần Đình L là giám đốc nhưng không được sự đồng ý và không có quyết định của Hội đồng thành viên, đồng thời ông D và bà T được tặng cho tài sản của Công ty nhưng không phải là thành viên của Công ty là trái pháp luật và vi phạm đến quyền lợi của bà Trần Thị Diệu Th là thành viên công ty theo quy định tại điều 9 của Điều lệ đã viện dẫn trên, và Điều 197, 198 Bộ luật dân sự năm 2005 nên vô hiệu theo quy định tại Điều 128 Bộ luật dân sự 2005 đối với diện tích đất 86,4m<sup>2</sup> có giá trị quyền sử dụng đất: 3.184.470.000 đồng; do đó toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất thuộc Công ty TNHH AD. Đối với nhà 3 tầng có giá trị: 888.657.000 đồng là tài sản của ông Trần Đình L và bà Hồ Thị Nhật C vẫn có hiệu lực theo Hợp đồng tặng cho giữa Ông, Bà và ông D và bà T. Do đó, tài sản chung vợ chồng ông Trần Ánh D và bà Phan Thị Thanh T là giá trị nhà 3 tầng của ông L bà C đã bỏ ra xây dựng có giá trị theo Hội đồng định giá cấp sơ thẩm là: 888.657.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu được chia tài sản chung vợ chồng của bà Phan Thị Thanh T, thấy: Toàn bộ giá trị tài sản chung là của cha mẹ ông Trần Ánh D cho, vợ

chồng bà T ông D có sửa chữa một phần giá trị không lớn (khoảng 70.000.000 đồng theo trình bày nguyên đơn bà T), tổng giá trị tài sản chung: 888.657.000 đồng; do đó, chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của bà Phan Thị Thanh T; Ông Trần Ánh D được chia 50% tài sản chung tương đương giá trị: 444.328.500 đồng, bà Phan Thị Thanh T được chia 50% tài sản chung tương đương giá trị: 444.328.500 đồng. Do giá trị tài sản chung nằm trong khối tài sản nhà đất được công nhận cho Công ty TNHH AD, nên Công ty có nghĩa vụ thối trả lại tiền cho ông D và bà T theo quy định tại Điều 59, 61 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 217, 219 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Tòa án sơ thẩm đã xác định nhà, đất tại tổ 7 Đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH03614/22327 ngày 21/12/2013 đứng tên ông Trần Ánh D và bà Phan Thị Thanh T là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Phan Thị Thanh T và ông Trần Ánh D nên đã chấp nhận đơn khởi kiện của bà T chia tài sản chung là không đúng pháp luật theo quy định tại các Điều 197, 198 Bộ luật dân sự 2005 ảnh hưởng trực tiếp đến tài sản của Công ty TNHH AD và bà Trần Thị Diệu Th thành viên góp vốn thành lập công ty. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Ánh D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình L, Công ty TNHH AD sửa bản án sơ thẩm như sau: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Phòng công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa công chứng số 8017/TC ngày 6/12/2013 vô hiệu giữa bên tặng cho ông L bà C và bên nhận tặng cho ông D bà T vô hiệu một phần về quyền sử dụng đất. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH03614/22327 ngày 31/12/2013 đứng tên ông Trần Ánh D và bà Phan Thị Thanh T; công nhận nhà, đất số 54 tổ 7 Đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH03614/22327 ngày 31/12/2013 đứng tên ông Trần Ánh D và bà Phan Thị Thanh T thuộc quyền sử dụng và sở hữu Công ty TNHH AD; buộc Công ty TNHH AD có nghĩa vụ trả cho ông Trần Ánh D số tiền: 444.328.500 đồng (*Bốn trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm hai tám ngàn năm trăm đồng*) và bà Phan Thị Thanh T: 444.328.500 đồng (*Bốn trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm hai tám ngàn năm trăm đồng*); Công ty TNHH AD có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà theo quy định tại các Điều 169, 256, 259; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp được Tòa án công nhận phần quyền sử dụng đất thuộc Công ty AD; Công ty TNHH AD phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản

chung của vợ chồng ông D và bà T; bà Phan Thị Thanh T và ông Trần Ánh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được phân chia. Ông Trần Ánh D, Công ty TNHH AD, ông Trần Đình L và bà Hồ Thị Nhật C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho các Ông, Bà và công ty tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001067, 0001068 và 0001069 cùng ngày 02/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 2, điểm c khoản 5 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 28, Điều 34, Điều 147, 148, Điều 157, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 59, 61 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 128, các Điều 169, 197, 198, 217, 219, 256, 259; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 2, điểm c khoản 5 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I/ Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Ánh D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình L, bà Hồ Thị Nhật C, Công ty TNHH AD, sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2019/HNGĐ-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, cụ thể như sau:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Trần Đình L và bà Hồ Thị Nhật C; Công ty TNHH AD. Tuyên xử:

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa chứng thực hợp đồng số 8017/TC quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/12/2013 vô hiệu đối với quyền sử dụng diện tích đất.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số CH03614/22327 của Ủy ban Nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 31/12/2013 đứng tên ông Trần Ánh D và bà Phan Thị Thanh T.

Công nhận nhà, đất số 54 tổ 7 Đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH03614/22327 ngày 31/12/2013 đứng tên ông Trần Ánh D và bà Phan Thị Thanh T thuộc quyền sử dụng và sở hữu Công ty TNHH AD. Công ty TNHH AD có nghĩa vụ bồi trả lại giá trị nhà cho ông Trần Ánh D và bà

Phan Thị Thanh T, và liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn” với ông Trần Ánh D.

Công nhận nhà 3 tầng tại tổ 7 Đường B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH03614/22327 ngày 31/12/2013 đứng tên ông Trần Ánh D và bà Phan Thị Thanh T có giá trị: 888.657.000 đồng là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Phan Thị Thanh T và ông Trần Ánh D.

Công ty TNHH AD có nghĩa vụ trả cho ông Trần Ánh D số tiền: 444.328.500 đồng (*Bốn trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm hai tám ngàn năm trăm đồng*).

Công ty TNHH AD có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Thanh T số tiền: 444.328.500 đồng (*Bốn trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm hai tám ngàn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/ Về án phí:

1/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH AD phải nộp: 38.657.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000756 ngày 3/1/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Công ty TNHH AD còn phải nộp 38.357.000 đồng (*Ba mươi tám triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Đình L và bà Hồ Thị Nhật C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Đình L và bà Hồ Thị Nhật C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2016/0009048 ngày 10/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Bà Phan Thị Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm: 22.073.000 đồng được trừ 11.956.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0008677 ngày 22/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Bà Phan Thị Thanh T còn phải nộp 10.117.000 đồng (*Mười triệu một trăm mười bảy ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Ánh D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm: 21.773.000 đồng (*Hai mươi một triệu, bảy bảy ba ngàn đồng*).

2/ Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Ánh D, Công ty TNHH AD, ông Trần Đình L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu số 0001067, 0001068 và 0001069 cùng ngày 2/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa cho ông Trần Ánh D, Công ty TNHH AD, ông Trần Đình L.

III/ Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trương Minh Tuấn**